

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

| STT        | Nội dung                                                              | Tổng số                               | Chia ra theo khối lớp |           |           |           |           |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|            |                                                                       |                                       | Lớp 1                 | Lớp 2     | Lớp 3     | Lớp 4     | Lớp 5     |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số học sinh</b>                                               | <b>344</b>                            | <b>70</b>             | <b>58</b> | <b>73</b> | <b>79</b> | <b>64</b> |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>                                    | <b>344</b>                            | <b>70</b>             | <b>58</b> | <b>73</b> | <b>79</b> | <b>64</b> |
| <b>III</b> | <b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>                      |                                       |                       |           |           |           |           |
| 1          | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                         |                                       |                       |           |           |           |           |
| 2          | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                         |                                       |                       |           |           |           |           |
| 3          | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                 |                                       |                       |           |           |           |           |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>                          |                                       |                       |           |           |           |           |
| 1          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                              |                                       |                       |           |           |           |           |
| 2          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                  |                                       |                       |           |           |           |           |
| 3          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                             |                                       |                       |           |           |           |           |
| <b>V</b>   | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                      |                                       |                       |           |           |           |           |
| 1          | Lên lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                     | <b>340</b><br><b>98,8</b><br><b>%</b> | 66                    | 58        | 73        | 79        | 64        |
| a          | Trong đó:<br>HS được khen thưởng cấp trường<br>(tỷ lệ so với tổng số) | <b>293</b><br><b>85,2</b><br><b>%</b> | 62                    | 38        | 68        | 61        | 64        |
| b          | HS được cấp trên khen thưởng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                | <b>0</b>                              | 0                     | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 2          | Ở lại lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                   | <b>4</b><br><b>1,2%</b>               | 4                     | 0         | 0         | 0         | 0         |

Quận 3, ngày 31 tháng 5 năm 2022

KÊ HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TIỂU HỌC  
NGUYỄN THỊ  
Nguyễn Thị Thuý Dương